

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Diễm.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Mỹ Giang và Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đức Thiên Phước - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 11/12/2025 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và điểm cầu thành phần Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Q xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 17/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày 12/02/1991, nơi sinh: tỉnh Quảng Ngãi; số căn cước công dân: 051091007890; nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn H, xã T, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Đỗ Thị L; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án: Ngày 27/12/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Quảng Ngãi) xử phạt 07 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 20/9/2024; nhân thân: Ngày 04/12/2012, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định khởi tố bị can về tội “*Cố ý gây thương tích*”; ngày 22/01/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*”, sau đó bị Công an Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “*Trực tiếp xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác*”; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Trại tạm số 1 Công

an tỉnh Q.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Kiều Đức K - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Thị Trà M nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, vụ án được tóm tắt cụ thể như sau:

Khoảng tháng 11/2024, Nguyễn Thị Trà M quen biết với Nguyễn Văn T và M đến ở nhà T tại xóm A, thôn H, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Thông qua bạn bè ngoài xã hội giới thiệu, T quen biết một người tên V (T không biết nhân thân, lai lịch) có bán ma túy đá; chiều ngày 13/01/2025, T liên lạc với V qua ứng dụng messenger để hỏi mua 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) ma túy đá thì V đồng ý và hẹn đến hẻm Đ, thành phố Q (T không nhớ địa chỉ). Khi đến nơi, T đưa cho V số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) và V đưa cho T một túi ma túy đá được gói trong khẩu trang màu đen. Sau đó, T đem về cất giấu trong kệ bàn ở phòng khách của ngôi nhà. Khi T cất giấu ma túy thì M có nhìn thấy.

Khoảng 09 giờ ngày 14/01/2025, M và T đang ở tại nhà T thì có đối tượng tên là B (M nghe nói tên là T4, không rõ họ tên và chỗ ở) sử dụng tài khoản messenger tên là “Đêm T2” liên lạc với tài khoản messenger của M tên là “Trà My N” để hỏi mua 01 cái ma túy đá với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vì biết T có cất giấu ma túy ở kệ bàn trong phòng nên M nói với T là có bán cho B không, T trả lời có và nói M hẹn B đến cầu X ở xã N để giao bán ma túy, nhưng B không biết địa chỉ này nên T lấy điện thoại của M và nhắn tin địa chỉ “N Chùa Ông” (tức là chùa Ô ở xã T, tỉnh Quảng Ngãi) để B dễ biết thì B đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76E1-752.31 đi vào thành phố Q. Lúc này M liên lạc qua ứng dụng Zalo cho T nội dung là “*Nói nó đem lên chứ thên lấy nó tới chùa Ông r*” tức là M hỏi T gọi người mang ma túy đến vì B đang chờ ở chùa Ô rồi. T liên lạc với bạn ngoài xã hội tên là C (T không rõ nhân thân, lai lịch) đem ma túy đến nhà giao cho M để M bán cho B, nhưng không liên lạc được nên T nhắn tin cho M là “*the bao*” tức là T gọi cho C không được. Do không có ma túy để bán cho B còn B thì hỏi thúc nên M nhắn tin “*còn hk bé tự xúc trong bịch dc hk*”, nghĩa là M tự xúc ma túy trong bịch ni lông giấu ở kệ bàn được không thì T trả lời “*uh*” (nghĩa là T đồng ý). Do không biết phải lấy bao nhiêu ma túy trong bịch để bán cho B nên M nhắn tin cho T là “*bn v anh*”, nghĩa là lấy bao nhiêu ma túy. Lúc này không thấy T trả lời tin nhắn nên M lấy

ma túy trong kẻ bàn đem đến trước ngõ nhà giao cho B để lấy tiền nhưng chưa kịp giao thì bị Công an bắt qua tang cùng số ma túy là 2,94 gam Methamphetamine (đã qua giám định).

Trong lúc này, T đi trên đường Q, thành phố Q thì gặp một người anh ngoài xã hội tên “Tý” (T không rõ nhân thân, lai lịch); T3 cho T 01 nắp nhựa màu xanh được đục thủng hai lỗ, một lỗ được gắn một ống hút nhựa, một lỗ được gắn 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa ma túy đá. Sau đó, T đến bãi đất trống ở thành phố Q (T không nhớ địa chỉ) và gắn bộ dụng cụ có chứa ma túy đá vào chai nhựa để sử dụng một mình. Sử dụng xong, T cất giấu nắp nhựa có gắn ống hút và nỏ thủy tinh có ma túy còn lại trong người và đi đến nhà nghỉ A ở xã N, thành phố Q thì bị Công an bắt giữ, phát hiện thu giữ trong người Tài một nỏ thủy tinh chứa ma túy với khối lượng 0,28 gam Methamphetamine (đã qua giám định).

**Kết quả trưng cầu giám định chất ma túy:*

Ngày 15/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 164/QĐ-CSĐT(CSMT), trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh Q giám định chất ma túy thu giữ của Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Văn T khi bắt quả tang và bắt giữ khẩn cấp. Tại Kết luận giám định số 51/KL-KTHS, ngày 21/01/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

- Chất rắn màu trắng bên trong túi ni lông màu trắng viền đỏ được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23043148 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 2,94 gam.

- Chất rắn màu trắng bên trong nỏ thủy tinh được niêm phong trong túi niêm phong mã số PS3 23043138 là ma túy; loại Methamphetamine; khối lượng mẫu: 0,28 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

* Ngày 15/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 177/QĐ-CSĐT(CSMT), trưng cầu Phòng K1 Công an tỉnh Q giám định mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Thị Trà M và Nguyễn Văn T khi bắt quả tang và bắt giữ khẩn cấp. Tại Kết luận giám định số 52/KL-KTHS, ngày 15/02/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q kết luận:

- Mẫu nước tiểu bên trong chai nhựa đề tên Nguyễn Thị Trà M, nơi ĐKTT: Tổ dân phố V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (chỗ ở: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) có tìm thấy thành phần chất ma túy, loại: Methamphetamine.

- Mẫu nước tiểu bên trong chai nhựa đề tên Nguyễn Văn T, nơi thường trú: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có tìm thấy thành phần chất ma túy, loại: Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

* Ngày 05/02/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q trung cầu Phòng K1 Công an tỉnh Q giám định dữ liệu điện tử đối với điện thoại di động thu giữ trong vụ án tại Quyết định trung cầu giám định số 431/QĐ-CSMT. Tại Kết luận giám định số: 114/KL-KTHS, ngày 10/4/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh Q, kết luận:

1. Dữ liệu bên trong điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen - xanh, số IMEI 1: 356681110838601, IMEI 2: 356681111495047, gắn 01 thẻ sim có dãy số "8984048000940014010", thời gian từ ngày 07/01/2025 đến ngày 14/01/2025, xác định:

- Trích xuất được 23 tên, số điện thoại trong danh bạ; 209 cuộc gọi đến, 199 cuộc gọi đi, 113 cuộc gọi nhớ; 353 tin nhắn SMS đến, 199 tin nhắn SMS đi; thông tin chủ tài khoản và 10 tài khoản thể hiện dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Messenger; thông tin chủ tài khoản và 18 tài khoản thể hiện dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Zalo.

- Số điện thoại của thẻ sim là: 0961977467.

2. Dữ liệu bên trong điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI 1: 865194059329313, IMEI 2: 865194059329305, trong thời gian từ ngày 07/01/2025 đến ngày 14/01/2025, xác định:

- Không có tên, số điện thoại lưu trữ trong danh bạ; không có cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, cuộc gọi nhớ; không có tin nhắn SMS đến, tin nhắn SMS đi; không trích xuất được thông tin chủ tài khoản, dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Messenger (ứng dụng Messenger bị lỗi); trích xuất được thông tin chủ tài khoản và 18 tài khoản thể hiện dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Zalo;

- Điện thoại không gắn thẻ sim.

3. Dữ liệu bên trong điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI 1: 866376041914679, IMEI 2: 866376041914661, gắn 01 thẻ sim có dãy số "8401221233486807", thời gian từ ngày 07/01/2025 đến ngày 14/01/2025, xác định:

- Trích xuất được 47 tên, số điện thoại trong danh bạ; 09 cuộc gọi đến, 08 cuộc gọi đi, 15 cuộc gọi nhớ; 04 tin nhắn SMS đến, không có tin nhắn SMS đi; thông tin chủ tài khoản và 08 tài khoản thể hiện dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Messenger; không trích xuất được thông tin chủ tài khoản, dữ liệu tin

nhắn, cuộc gọi trong ứng dụng Zalo (ứng dụng Zalo trong trạng thái chưa đăng nhập).

- Số điện thoại của thẻ sim là: 0795371176.

(Nội dung chi tiết kèm theo 01 phụ lục).

(BL số 181-204, 214-230, 113, 118, 120-160).

** Tình tiết liên quan đến vụ án:*

- Đối với đối tượng B sử dụng số điện thoại 0762655836 là người hỏi mua ma túy của T và M: T không rõ thông tin lai lịch; còn M chỉ biết là T4, không rõ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã yêu cầu Công ty D Khu vực 3 cung cấp thông tin chủ thuê bao; lịch sử chi tiết cuộc gọi đi, gọi đến; lịch sử chi tiết tin nhắn đi, tin nhắn đến của thuê bao số “0762655836”. Kết quả trả lời số thuê bao “0762655836” do Phan Nhật T4, sinh ngày 02/08/1997, nơi thường trú: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành xác minh đối tượng Phan Nhật T4 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu làm gì. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

- Đối với đối tượng V là người bán ma túy cho T vào ngày 13/01/2025: T không biết về nhân thân, lai lịch và không xác định được nơi ở của đối tượng V. T liên lạc với V thông qua ứng dụng Messenger để mua ma túy nhưng sau khi liên lạc với V thì T đã xoá cuộc gọi, không nhớ tên facebook, không có kết bạn với facebook của V. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ thông tin, tài liệu để tiến hành xác minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Đối với đối tượng T3 là người cho nỏ thủy tinh bên trong chứa ma túy đã để T sử dụng vào ngày 14/01/2025: T không biết về nhân thân, lai lịch và không xác định được nơi ở của đối tượng T3. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ thông tin, tài liệu để tiến hành xác minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

- Đối với lời khai ban đầu của Nguyễn Thị Trà M về việc đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T nhiều lần, nhưng tại bản cung ngày 12/3/2025, M khai nhận lúc bị bắt tinh thần còn hoang loạn và vì T đổ hết tội cho M nên M khai không đúng sự thật. Lời khai tối ngày 13/01/2025, T đưa ma túy cho M và nói M ra trước ngõ nhà T để giao ma túy cho V1, sau đó V1 đưa số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) cho M và nói sẽ chuyển khoản cho T 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); nhưng tại bản cung ngày 12/3/2025 M khai lại là T nhờ M lấy số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) do V1 trả nợ cho T, V1 đưa cho M 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng) tiền mặt và nói sẽ chuyển khoản 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã

yêu cầu Ngân hàng TMCP Q cung cấp thông tin, lịch sử giao dịch số tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn T xác định người chuyển tiền cho T là Lê Đình V1 (sinh năm 2000; nơi thường trú: thôn T, xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi). Qua làm việc, Lê Đình V1 khai nhận không có sự việc Văn chuyển tiền mua ma túy, việc V1 chuyển tiền cho T là tiền trả nợ cho T. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để tiến hành chứng minh những lần thực hiện hành vi mua bán ma túy này của T và M; vì vậy, không đủ cơ sở xác định T và M phạm tội mua bán trái phép chất ma túy 02 lần trở lên.

** Việc tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:*

- 2,78 gam mẫu ma túy loại Methamphetamine (ma túy còn lại sau giám định); 01 nỏ thủy tinh; 01 ống hút nhựa; 01 nắp nhựa màu xanh cùng toàn bộ vỏ bao gói gửi giám định được niêm phong trong cùng một túi niêm phong mã số PS3 23039915, bên ngoài có các chữ ký của những người tham gia đóng gói niêm phong và hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q.

- 01 cái kéo màu trắng bằng kim loại, 03 cái ống hút nhựa màu trắng (loại ống hút nước giải khát) cắt nhọn một đầu, 01 cái kéo màu đỏ (loại kéo bấm chỉ), 01 cân tiểu ly màu trắng đã qua sử dụng đây là những đồ vật, dụng cụ của T dùng để phân chia ma túy để bán ma túy cho người khác.

- 01 thẻ ngân hàng V2 màu xanh, trên thẻ có dòng chữ “Prime”, số thẻ 4541190957020560, có tên “NGUYEN VAN TAI” là thẻ ngân hàng của T, nhưng T không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Số tiền 122.000 đồng (Một trăm hai mươi hai nghìn đồng) là tiền của cá nhân của Nguyễn Văn T, không liên quan đến vụ án.

- 01 túi niêm phong có mã số PS3 24280903, trên túi niêm phong có đóng dấu của phòng K1 Công an tỉnh Q và có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Phương Đ và Đường K; bên trong túi niêm phong có 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen - xanh, số IMEI 1: 356681110838601, IMEI 2: 356681111495047, gắn 01 thẻ sim có dãy số "8984048000940014010". Đây là điện thoại di động của Nguyễn Văn T sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy.

- 01 túi niêm phong có mã số PS3 24280904, trên túi niêm phong có đóng dấu của phòng K1 Công an tỉnh Q và có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Phương Đ và Đường K; bên trong túi niêm phong có 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI 1: 865194059329313, IMEI 2: 865194059329305. Đây là điện thoại di động của Nguyễn Thị Trà M sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy.

- 01 túi niêm phong có mã số PS3 24280905, trên túi niêm phong có đóng dấu của phòng K1 Công an tỉnh Q và có chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Phương Đ và Đường K; bên trong túi niêm phong có 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu xanh, số IMEI 1: 866376041914679, IMEI 2: 866376041914661, gắn 01 thẻ sim có dãy số "8401221233486807". Đây là điện thoại di động của Nguyễn Thị Trà M sử dụng vào việc liên lạc mua bán ma túy.

- 01 khẩu trang màu đen, T sử dụng để gói ma túy, không còn giá trị sử dụng.

- Xe mô tô biển kiểm soát 76E1-752.31 do Nguyễn Văn T đứng tên chủ sở hữu, T sử dụng làm phương tiện di chuyển khi thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy.

** Phần dân sự: Không.*

Tại Cáo trạng số 15/CT-VKS-TN ngày 23/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi) truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố Nguyễn Thị Trà M về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Với nội dung như trên Bản án số 14/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi đã xét xử sơ thẩm và quyết định như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù về tội : “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/01/2025).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Trà M, tuyên về xử lý vật chứng, phần án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo.

Luận cứ của người bào chữa cho bị cáo là ông Kiều Đức K: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trình tự, thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định, đảm bảo về hình thức và chủ thể kháng cáo.

Về nội dung đơn kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và không có tình tiết nào mới. Hơn nữa, bị cáo còn có tiền án và nhân thân xấu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đảm bảo về thời hạn, nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 13/01/2025, Nguyễn Văn T liên lạc với V qua ứng dụng messenger để hỏi mua 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) ma túy đá thì V đồng ý và hẹn đến hẻm Đ, thành phố Q (T không nhớ địa chỉ). Khi đến nơi, T đưa cho V số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) và V đưa cho T một túi ma túy đá được gói trong khẩu trang màu đen. Sau đó, T đem về cất giấu trong kệ bàn ở phòng khách của ngôi nhà. Khi T cất giấu ma túy thì M có nhìn thấy.

Khoảng 09 giờ ngày 14/01/2025, M và T đang ở tại nhà T thì có đối tượng tên là B (M nghe nói tên là T4, không rõ họ tên và chỗ ở) sử dụng tài khoản messenger tên là “Đêm T2” liên lạc với tài khoản messenger của M tên là “Trà My N” để hỏi mua 01 cái ma túy đá với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) thì T đồng ý bán và hẹn B đến cầu X, chùa Ô ở xã N để giao bán ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76E1-752.31 đi vào thành phố Q và liên lạc với bạn ngoài xã hội tên là C (T không rõ nhân thân, lai lịch) đem ma

tuý đến nhà giao cho M để M bán cho B, nhưng không liên lạc được. Do không có ma tuý để bán cho B và bị B thì hối thúc nên M tự xúc ma tuý trong bịch ni lông giấu ở kê bàn để bán cho B (T đã đồng ý). Sau đó thì M bị Công an bắt qua tang cùng số ma tuý là 2,94 gam Methamphetamine (đã qua giám định).

Trong lúc này, T đi trên đường Q, thành phố Q thì gặp một người anh ngoài xã hội tên “Tý” (T không rõ nhân thân, lai lịch); T3 cho T 01 nắp nhựa màu xanh được đục thủng hai lỗ, một lỗ được gắn một ống hút nhựa, một lỗ được gắn 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa ma tuý đá. Sau đó, T đến bãi đất trống ở thành phố Q (T không nhớ địa chỉ) và gắn bộ dụng cụ có chứa ma tuý đá vào chai nhựa để sử dụng một mình. Sử dụng xong, T cất giấu nắp nhựa có gắn ống hút và nỏ thủy tinh có ma tuý còn lại trong người và đi đến nhà nghỉ A ở xã N, thành phố Q thì bị Công an bắt giữ, phát hiện thu giữ trong người Tài một nỏ thủy tinh chứa ma tuý với khối lượng 0,28 gam Methamphetamine (đã qua giám định).

Qua đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma tuý*”. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T bị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma tuý*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo đã được áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ, lời khai có trong hồ sơ thể hiện bị cáo Nguyễn Văn T đã bị xử phạt tù và đã chấp hành hình phạt, chưa được xóa án tích nhưng không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục có hành vi phạm tội nghiêm trọng với lỗi cố ý. Do đó, hành vi phạm tội lần này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu.

Bị cáo Nguyễn Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý là rất nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm chính sách độc quyền quản lý nhà nước về chất ma tuý, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung với loại tội phạm này.

Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị cáo Nguyễn Văn T và người bào chữa cho bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới để áp dụng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Do đó, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi của bị cáo gây ra, không nặng nên bị cáo T kháng cáo yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 17/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ngãi.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **02 (hai)** năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và **04 (bốn)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt là **06 (sáu)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 14/01/2025).

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Về các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (11/12/2025).

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT I, TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 4;
- TAND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Công Diễn